HOÀNG QUÂN sưu tầm

1- Còn đâu một thuở tung hoành, hay Ngày tàn của "con hùm Yên Thế" !

Một buổi sáng ngày 10-1-1913, có ba tên lái buôn Tàu đi lang thang từ Chợ Gò vào Đình Tập (vùng Thượng Yên) để mong gặp được Đề Thám 1, vị chỉ huy phong trào nghĩa quân chống Pháp suốt 31 năm trời dai dẳng ở vùng Yên Thế.

Khi giáp được mặt vị Thủ lãnh nghĩa binh, chúng trình bức thư có dấu son của Tướng Liên 2 và nói rằng Tướng Liên cử chúng sang để giúp Thám cách chế bom chống Pháp (thực ra, ba tên Tàu này là bộ hạ của Lương Tam Kỳ 3 , rất giỏi võ, được chủ sai đến để tìm dịp hại Thám để lãnh thưởng).

Thám nhận thư, nhưng lòng không tin hẳn. Tuy nhiên, chúng vẫn được cho ở một căn lều riêng. Thám cũng ở một căn lều tương tự gần đó, ba khẩu súng và hai cái cuốc kề bên mình (cuốc thường dùng đào hố đứng bắn) Hai cận vệ tâm phúc được Thám cắt canh gác thường trực trước cửa lều. Nhưng hoạ vẫn đến với Thám đúng một tháng sau đó.

Vào một buổi sáng, khoảng 5 giờ, hai cận vệ của Thám thiu thiu ngủ. Cơ hội tốt đã đến, ba tên Tàu lặng lẽ bò vào lều Thám, không một tiếng động.

Đêm rồi, Thám hút thuốc phiện quá khuya, bấy giờ đang lơ mơ ngủ gà ngủ gật. Trong khi tên Tàu đầu đảng (tên hắn là Ly Seng Kong) bò nhẹ nhẹ đến gần giường Thám, thì hai tên kia bò lại gần hai người canh gác và lẹ làng đưa hai nhát dao vào cổ, hai người này gục xuống...

Nghe tiếng động, Thám vội mở choàng mắt và rút ngay cây súng lục đeo bên mình ra, nhưng tên Tàu nhanh tay gạt cây súng văng xuống đất, rồi đấm hai quả thực mạnh vào hai cạnh sườn Thám. Ông lảo đảo chưa đứng dậy kịp thì tên Tàu vớ luôn cái cuốc bên cạnh, bổ một nhát vào ngực Thám, một nhát vào mặt, dưới mắt trái, Thám tắt hơi ngay.
Đó là ngày 10-2-1913, tức mồng 5 tháng giêng năm Quý Sửu.

Ba tên Tàu tìm đến Bouchet, viên đại lý Nhã Nam, trình một bọc và nói:

- Bẩm quan lớn, đây là thủ cấp Đề Thám .

Bouchet vụt đứng dậy, bàng hoàng như người trong mộng, rồi hắn tỏ hết sức vui mừng , vội đánh dây thép báo tin cho viên công sứ tỉnh Bắc Giang và thống sứ Bắc kỳ rõ, xong hắn cho thuộc hạ đi lấy thủ cấp hai người cận vệ đem về bêu ba ngày ở chợ Nhã Nam cùng với đầu của Đề Thám, sau đó cho hoả thiêu ba cái xác.

Cuộc kháng Pháp của nghĩa quân Yên Thế phải chấm dứt. Tuy nhiên người anh

hùng Yên Thế vẫn bất diệt trong tâm khảm của toàn dân Việt Nam.

2- Đôi gươm của Đề Thám

Vào năm 1937, ông Nguyễn Văn Tố, xử lý thường vụ tại Viện Bác Cổ Viễn Đông ở Hà Nội, có dịp tiếp Đại tá Chofflet (viên sĩ quan Pháp này, vào năm 1909 còn ở cấp bậc Thiếu tá, hắn rất cứng rắn và tàn ác, có tiếng là tên khát máu vào bậc nhất trong đoàn quân viễn chinh Pháp. Hắn đã nhiều lần đem binh vào vùng Yên Thế để diệt cho bằng được Đề Thám, gặp trẻ con người già ẩn náu trong rừng , hắn cũng tàn sát không nương tay).

Lúc này Chofflet đã 80 tuổi, về hưu từ lâu; lão có dẫn một người con gái độ 30 tuổi đi theo (cô này là con của một bộ hạ Đề Thám, khi mẹ con cô và mẹ con cô Ba 4 bị Pháp bắt trong cuộc tấn công ồ ạt vào căn cứ của Thám vào cuối năm 1909, cô mới có một tuổi, được người Pháp mang về nước nuôi dưỡng cùng lúc với con cô Ba, về sau Chofflet nhận làm con nuôi).

Chofflet yêu cầu học giả Nguyễn Văn Tố, nhân danh Viện Bác Cổ, nhận đôi gươm lão đem đến tặng, và thuật rằng đôi gươm này nhặt được tại chiến trường cùng với nhiều vật khác như đôi giép da tê và ấn triện của Đề Thám. Lão xem các vật ấy như là chiến lợi phẩm và luôn giữ tại Hanoi Hotel, nơi hắn ở từ năm 1913 sau khi được về hưu.

Lão kể thêm về lai lịch đôi gươm:

- Xuất xứ đôi gươm

Đôi gươm này do người họ Trịnh ở Quảng Châu đúc ra cho viên Tổng đốc Lưỡng Quảng Hà Châu Phiên (họ Trịnh bảy đời chuyên nghề đúc gươm) Trên cán gươm có khắc bốn chữ Hà thị thiện sử. Họ Hà hình như có dự vào đạo binh Tôn Sĩ Nghị sang đánh Việt Nam, bị Nguyễn Huệ đánh bại, lúc trốn về Tàu hắn phải bỏ đôi gươm lại để chạy thoát thân. Về sau, không biết thế nào đôi gươm này lại lọt vào tay Ba Phúc (Thân Văn Phúc, bố nuôi của Đề Thám), rồi Tư Lộc em Ba Phúc khi về phụ tá Đề Thám, đã cho thợ khắc chữ Hoàng đè lên chữ Hà để dâng lên Thám. Chofflet có gửi đôi gươm này về Pháp cho chuyên viên coi thì quả thấy chữ Hoàng chồng lên chữ Hà, ngoài ra còn được nhận rằng thép gươm không kém thứ thép "blue steel of Lancashire" dùng rèn gươm cho hoàng tộc Anh. Chofflet rất quý đôi gươm ấy, thường để trong tủ kính nơi phòng khách (và chính đôi gươm này cũng đã có những lúc làm cho lão mất ăn mất ngủ trong cuộc đời về chiều của lão).

Sau khi trình bày xong xuất xứ đôi gươm, Chofflet trao cho học giả Nguyễn Văn Tố một xấp giấy đánh máy, nói đó là bản sao trích trong tập hồi ký ghi lại những sự kiện xảy ra, khiến cho lão không dám giữ lại đôi gươm mà phải đem nó tặng cho Viện Viễn đông Bác cổ.

3- Khí thiêng khi đã về Thần

Hồi ký của Chofflet:

- Hồn ma không đầu

Đêm10-2-1913 (tức là ngày mồng 5 tháng giêng năm Quý Sửu, ngày Đề Thám bị sát hại), tôi nằm mộng thấy một chiến sĩ ăn mặc như người sơn cước, thân cao vai rộng, nước da sậm, hiện ra giữa phòng khách. Sau khi nhìn kỹ, tôi lấy làm kinh sợ bởi hình ma ấy không có đầu. Hình ma này đi tới đi lui một hồi rồi đến đứng rất lâu trước tủ kính mà nhìn vào đôi gươm, đoạn tới chỗ tôi nằm, chồm thân mình vào màn rồi biến mất. Tôi la lớn một tiếng và giựt mình thức dậy. Mặc dầu kinh sợ, tôi cũng cho rằng do lúc ban ngày mình thấy rõ đầu và thân của Đề Thám nên quá xúc cảm mà ban đêm thấy như vậy chăng.

Đêm thứ nhì tôi lại chiêm bao thấy Đề Thám lần đến trước màn, tôi có cảm giác như nghe tiếng nói:

- Mi có trả đôi gươm cho ta không ?

Tôi muốn trả lời nhưng không làm sao mở miệng được. Hình ma Đề Thám tỏ vẻ giận dữ, hai tay cầm hai cây gươm bẻ gãy thành tiếng chát óc điếc tai làm tôi giựt mình thức tỉnh. tôi nhảy xuống giường, bước mau lại chỗ hình ma bẻ gãy đôi gươm với ý định lượm những mảnh gươm gãy. Nhưng dưới gạch trống trơn không có vật gì. Tôi chạy lại tủ kính thì thấy khoá vân y nguyên, đôi gươm vẫn còn bày chỗ cũ.

Các bạn thân của tôi khuyên tôi nên dời giường đến một nơi khác, nhưng tôi không làm theo vì tôi tin rằng người chết vẫn sống, và nếu ông Đề muốn phá tôi thì ở đâu ông cũng có thể phá được...

Từ đó về sau, thỉnh thoảng tôi nằm mộng thấy Đề Thám về, luôn luôn cụt đầu. Vào lúc cuối năm 1913, tôi bỗng có ý định bắt chước các vọng tộc Việt Nam, đặt tréo đôi gươm trên tường phòng tôi nằm, với mục đích trang hoàng.

- Đầu lâu Đề Thám hiện ra

Độ một tháng sau, đến ngày giỗ Đề Thám là mồng 5 Tết. Đêm ấy sau một lúc đọc sách như thường lệ, tôi vừa nhắm mắt thiu thiu thì trong gian phòng tôi bỗng loé ra một ánh sáng loà rồi vụt tắt liền. Bất giác tôi nhìn lên tường chỗ đặt đôi gươm thì thấy giữa đôi gươm vắt tréo, đầu lâu của Đề Thám hiện ra, đôi mắt trợn dọc lên liếc qua liếc lại, chỗ bị chặt đứt, máu vọt ra lênh láng chảy dài trên tường trắng, tạo thành những vệt đỏ tươi.

Bắt đầu từ đó, tôi không dám khinh thường sự hiện hồn của Đề Thám nữa.

Sau đó, tôi nghe lời một người bạn sĩ quan là tín đồ thông linh học, gửi thư về Paris hỏi Thông linh tập san (Revue Spirite) nhờ giải thích hiện tượng này. Bốn tháng sau, viên chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo phúc đáp rằng hiện tượng đó xảy ra nhiều nơi không riêng gì ở Việt Nam và khuyên tôi nên trả lại gươm để tránh những điều không hay về sau...

Có nhiều lúc tôi cũng muốn trả đôi gươm nhưng lại tự hỏi: trả cho ai bây giờ? Đành rằng trả cho con cháu Đề Thám, nhưng theo sự hiểu biết của tôi thì Đề Thám chỉ còn có một người con gái tên Hoàng Thị Thế hiện ở tại Pháp (2 người con trai là Cả Trọng và Cả Rinh đã chết trận). Như vậy làm sao trả ? Mặt khác, theo tôi nghĩ, đường đường là một sĩ quan chuyên nghiệp, tôi há không có quyền giữ làm vật tư hữu những chiến lợi phẩm mà chính tôi đã gặt hái được(hay cướp đoạt được ? !) tại chiến trường hay sao? Dù là còn sống ở thế giới bên kia, Đề Thám, theo ý tôi, cũng không có quyền bắt tôi phải hoàn lại những chiến lợi phẩm ấy.

Vì nghĩ như thế nên trí tôi bình tĩnh trở lại và trong khoảng 10 năm (từ 1927 đến 1937), tôi không để ý đến Đề Thám nữa vì tôi thấy những lời đe doạ của ông ta không hề đem lại hậu quả gì khó khăn cho tôi. Nhưng bỗng nhiên một hiện tượng bất ngờ xảy đến làm cho ý định trước kia của tôi xáo trộn tất cả.

Sau khi về hưu, tôi và đứa con gái nuôi của tôi ăn và ở tại Hanoi Hotel. Không còn bà con chi bên Pháp, và sống tại Việt Nam quá nửa đời rồi, tôi định gửi xương nơi đây mà tôi xem như quê hương thứ hai của tôi vậy.

Một ngày kia, tôi nhận được giấy của vị Chưởng khế bên Pháp báo cho biết tôi có một người anh chú bác định cư bên Mỹ đã từ trần, vì không có con cháu nên để di chúc lại cho tôi hưởng một gia tài khá to gồm vài bất động sản toạ lạc tại bên Pháp.

Vì thế tôi nhất định trở về Pháp và sẽ ở luôn bên ấy vì tôi đã ngoài 80 tuổi rồi.

- Hồn Đề Thám hiện trở lại

Đúng ba ngày sau khi tôi tiếp được thơ của vị Chưởng Khế, tôi chiêm bao thấy Đề Thám, lần này ông hiện ra với thân hình đầy đủ, có đầu và nghiễm nhiên là là một vị tướng lãnh oai vệ, có hai tên quân theo hầu. Quả thực đêm ấy tôi chưa ngủ, Đề Thám bỗng hùng dũng hiện ra trước mắt tôi. Điều lạ là tôi không thấy kinh sợ như mười mấy năm trước kia. Đề Thám trợn mắt nhìn tôi. Tôi nghe rõ lời la lối và đe doạ của ông mặc dù đôi môi ông không hề lay động, ông cũng vẫn đòi đôi gươm, nhưng đòi gắt hơn trước với một thái độ áp đảo rõ rệt.

Thấy tôi im lặng, ông nổi giận ra hiệu cho hai tên lính, tức thì hai tên này xông vào bắt tôi trói gô tay chân lại. Tôi cố sức vùng vẫy nhưng vô hiệu, tay chân tôi rũ liệt. Đề Thám dùng ngón tay trỏ điểm vào mặt tôi và bảo rằng nếu trong ba ngày tôi không trả gươm lại thì ông sẽ cho biết tay ! Ông nói dứt lời thì một tên lính đá tôi một đá, tôi giựt mình thức dậy.

Hôm sau tôi thuật chuyện chiêm bao lại cho thầy Đội Mật, người cộng sự viên với tôi trước kia, nghe. Thầy Đội khuyên tôi hãy đến thầy bói Kế mà xem quẻ, vì thầy Kế có tiếng là coi bói rất giỏi. Thầy Đội dẫn tôi đến nhà thầy bói Kế, một ngôi nhà gỗ nhỏ ở trong hẻm rất quanh co. Sau khi xủ quẻ thầy bói bảo rằng có một vong hồn theo tôi mà đòi một vật bằng kim khí, và nếu tôi không trả thì tôi sẽ gặp nhiều chuyện không hay xảy đến cho tôi. Nghe vậy tôi bắt đầu lo ngại. Bấy giờ có một bà cũng đến coi bói, thấy tôi có vẻ thắc mắc, mới khuyên tôi hãy đến bà đồng Vân Thai để nói chuyện trực tiếp với người qua đời. Tôi và con tôi ngồi ô tô lên hồ Trúc Bạch tìm đến bà đồng Vân Thai.

- Tiếp xúc với người ở thế giới bên kia...

Chúng tôi tìm được ngay nhà bà này vì người ta tề tựu đến đó rất đông. Khi hiểu ý định của chúng tôi, bà đồng hỏi tên họ và ngày chết của ông Đề. Cũng may, con gái tôi nhớ rõ Hoàng Hoa Thám từ trần ngày mồng 5 tháng giêng năm Quý Sửu (10-2-1913).

Lúc ấy trên bàn thờ khói hương nghi ngút, những người có mặt đều chắp tay có vẻ kính cẩn. Trong không khí nghiêm trang ấy, trí tôi không tưởng đến chi cả mà chỉ ngồi chờ thôi. Bỗng tôi thấy bà đồng ngáp dài, buông cây quạt xuống gạch rồi nắm tay lại đấm vào ngực rất mạnh, vươn mình lên như một vị tướng rồi la lớn :

- Thám đây! Ai muốn hỏi gì ?

Giọng nói nghe rất hùng dũng làm cho tôi giật nẩy mình nhìn quanh xem ai nói, vì tôi không tin rằng chính bà đồng vừa nói, bởi giọng nói của bà nhỏ nhẹ và êm dịu lắm. Liền đó một cuộc thảo luận diễn ra ráo riết giữa tôi và Đề Thám nhập vào cốt bà đồng Vân Thai. Đề Thám cho tôi ba ngày để trả lại đôi gươm. Nếu tôi không tuân, ông sẽ giáng hoạ cho tôi.

Những lời ấy vừa thốt xong thì bà đồng nhắm nghiền đôi mắt, bật ngửa ra, có người chực sẵn đỡ bà. Thế là cuộc gọi hồn Đề Thám chấm dứt.

Khi ra khỏi nhà bà đồng, tôi vẫn chưa trọn tin bà, dù trí óc tôi bị giao động không ít, nhưng con gái tôi tin hoàn toàn. Nó khuyên tôi nên tin như nó, vì bà đồng là người mù chữ thì làm sao nói chuyện với tôi gãy gọn như vậy. Do đó, nó giục tôi hãy làm theo lời Đề Thám vì kỳ hạn ba ngày và những lời đe doạ của ông không thể nào khinh thường được.

Kỳ hạn ba ngày đã qua mà tôi vẫn bình yên vô sự. Và ngày thứ tư cũng không thấy có gì.

Nhưng qua đến ngày thứ năm, sự đe doạ của Đề Thám bắt đầu thực hiện :

Nguyên thường bữa, chị người làm của bà X. ở cạnh phòng tôi, đi xuống văn phòng khách sạn lấy thư từ cho chủ, luôn tiện cũng lấy giúp cho tôi. Hôm đó chị Ba nghỉ nên chính bà X. phải đích thân đi làm công việc ấy. Vì có một bức thư của tôi nên bà ghé phòng, gõ cửa kêu tôi ra nhận.

Tôi đang ngồi đọc sách, đứng ngay dậy, ra cửa lấy thư. Bà X. quay lưng đi, tôi khép cửa phòng lại thì nghe một tiếng "rầm", một khoảnh trần nhà to bằng cái nia gồm vôi, xi măng, từ trên rớt ngay chỗ tôi ngồi xem sách nửa phút trước đó.

Nếu chị Ba hôm ấy đi làm, thấy có thư của tôi, chị đến gõ cửa phòng tôi như thường lệ, rồi chị bước vào đưa thư đến tận chỗ ngồi cho tôi, thì tôi đâu có đứng lên ra tận cửa nhận ? (rõ là thái độ kỳ thị và khinh thường cấp dưới của thực dân !!!), và như thế tôi phải lãnh đủ mảnh trần nhà ấy lên đầu, không chết ắt cũng bị thương nặng.

Có một điều tôi hết sức thắc mắc là hơn nửa tháng rồi, không có mưa giông bão tố chi cả, nhưng tại sao trần nhà trước đó không có rạn nứt chi cả, lại bỗng nhiên rớt xuống ? Không thể nói đây là sự ngẫu nhiên, và tôi thoát nạn không hẳn là sự may rủi ! Con gái tôi cũng nghĩ như thế và khẩn khoản khuyên tôi nên trả đôi gư ơm.

Mặc dù suýt bị tai nạn và tôi cũng rất sợ, nhưng rồi cuối cùng tôi cũng chưa chịu tuân theo ý của Đề Thám, cũng như lời khuyên của con gái tôi.

Độ một tuần sau, tôi nằm mộng thấy Đề Thám về đòi gươm và nói một giọng hằn học đặc biệt:

- Nếu mi không chịu trả thì lần này ta sẽ làm cho mi phải điêu đứng chứ không cảnh cáo sơ sài như bữa nọ đâu ! Mi rán mà giữ mình cho lắm, đừng để sau này phải hối tiếc và trách ta không bảo trước...!

Tuy dù đã định trả, nhưng vẫn tò mò muốn xem Đề Thám sẽ hành động như thế nào vả lại tôi vẫn còn muốn thách đố ông ta một lần nữa (ngoan cố đến thế là cùng !!!)

Nhân dịp chủ nhân khách sạn cho cất thêm một tầng lầu, tôi mới đổi chỗ, đến ở một căn phòng vừa mới làm xong.

Ngay đêm đầu ngủ trong phòng mới, tôi mộng thấy Đề Thám, ông có vẻ quá giận, mặt mày đỏ ửng, bộ tịch hầm hầm. Vẫn đòi gươm như những lần trước, ông bảo:

- Ta cho mi thêm ba ngày nữa, nếu còn không tuân lời, chừng đó mi chớ trách ta sao quá nghiêm khắc !

Nói xong Đề Thám biến mất. Không hiểu tại sao lần này tôi lại đâm ra hoảng sợ hơn các lần trước, mình mẩy nổi gai, ghê rợn.

Hai ngày trôi qua không thấy gì, trong lòng tôi hơi yên. Sang qua ngày thứ ba, mãi cho đến 7 giờ tối...

-Thoát chết trong đường tơ kẽ tóc.

Bảy giờ tối là giờ ăn trong nhà hàng Hanoi Hotel : người bồi đã đem phần ăn vào phòng tôi rồi. Đột nhiên điện vụt tắt làm cho tất cả các phòng trong khách sạn đều chìm trong bóng tối. Có người ở trọ mở toang cửa phòng của họ để được chút ánh sáng bên ngoài vì đêm đó là đêm trung thu, có người thắp nến lên. Tôi cũng định mở cửa ra nhưng nhớ những lời đe doạ của Đề Thám, tôi do dự mãi. Người thợ điện, trông mãi vẫn chưa thấy đến sửa, bất đắc dĩ tôi phải kéo cái bàn ăn đến tận cửa sổ rồi mở cửa ra để được ánh sáng nhà bên kia đường dọi qua; vì con đường ngăn nhà hàng với dãy lầu phía bên kia nhỏ hẹp, ánh sáng bên kia dọi qua đủ cho tôi dùng tạm. Hơn nữa, mặt trăng đã lên khá cao chiếu vào phòng

tôi, gió thu thổi nhẹ vào phòng, tôi cảm thấy trong người rất sảng khoái, liền ngồi vào bàn mà khởi sự ăn buổi tối.

Tôi vừa húp xong đĩa xúp thì một tiếng đoành từ đâu nổ vang lên. Tôi la lên một tiếng rồi bất tỉnh...

Khi tôi tỉnh lại, Bác sĩ nói nếu viên đạn đi chệch qua một phân thì đầu tôi đã vỡ tung rồi. Tại sao tôi bị đạn và ai đã bắn tôi ?

Người chủ nhà nơi phát súng bắn ra là viên thiếu tá chỉ huy trung đoàn 2 Lê Dương ; hôm ấy, viên thiếu tá chuẩn bị sáng hôm sau đi hành quân xa Hà Nội. Hai hôm trước ông ta có một người lính cận vệ mới đến thay cho người lính cũ bị đổi đi nơi khác vì lý do kỷ luật. Chính người lính mới này trong lúc lau chùi cây súng của ông ta, vì không quen cho nên vô ý làm cho viên đạn còn để quên trong nòng súng nổ bùng văng qua phòng tôi.

Cũng như đối với trần nhà rớt xuống, tôi không thể cho sự nổ súng ấy là tình cờ được. Hai cuộc đe doạ đều có kết quả: như thế là Đề Thám có uy thế hẳn hòi. Do đó, tôi không còn sức nào chống cự nữa. Trong thâm tâm tôi đã nhất định trả cặp gươm ấy cho rồi.

Đêm đó, tôi thấy Đề Thám hiện về với nét mặt vui vẻ, ngỏ lời cám ơn tôi có ý định trả đôi gươm. Như thế là ông đã biết ngay những gì tôi nghĩ trong trí mặc dù tôi chưa nói ra. Nhân dịp ấy tôi bày tỏ nỗi thắc mắc của tôi:

- Đành rằng tôi trả đôi gươm lại, nhưng ông là người ở bên giới bên kia, còn tôi là người ở bên giới bên này, thế thì trả cho ai bây giờ, thưa ông ?

Đề Thám suy nghĩ một chút rồi cầm cây quạt giấy phe phẩy, đoạn biến mất.

Tôi không hiểu ý Đề Thám muốn nói gì. Hôm sau, khi con gái tôi đến viếng an tôi như mọi bữa, tôi thuật điềm chiêm bao, nó mỉm cười hỏi tôi:

- Ba có hiểu ý ông Đề hỏi gì không ?

Tôi lắc đầu, con tôi nói tiếp:

- Ông muốn Ba đến bà đồng Vân Thai mà nói chuyện với ông đó.

Ngay sau đó, chúng tôi đến đền bà đồng. Khi Đề Thám nhập vào cốt rồi thì đàm đạo với tôi một cách cởi mở.

Ông ngỏ lời cám ơn tôi về ý định hợp tình hợp lý của tôi, rồi nói:

- Tôi chỉ còn có một con gái còn sống tên Hoàng Thị Thế. Hiện giờ nó ở bên Pháp, có hai con với người chồng Pháp, chắc Đại tá dư rõ. Nếu thực Đại tá muốn làm cho tôi vui lòng, xin hãy chịu khó thương lượng với con gái và rể tôi. Tôi tưởng chúng nó sẽ rất vui sướng tiếp nhận vật kỷ niệm của tôi.

Cuộc gọi hồn chấm dứt. Khi về đến nhà, tôi bảo con gái tôi viết thư ngay cho Kỹ sư Ferrand tại Mézières. Bốn tháng qua rồi mà không thấy hồi âm, tôi lại bảo nó viết bức thư thứ hai. Trên một tháng sau mới được thư phúc đáp.

Thư ấy làm tôi suy nghĩ khá lâu. Ông Ferrand viết: Từ khoảng cuối thế kỷ vừa qua, máu của hàng ba ngàn thanh niên anh dũng Pháp đã chảy dưới đôi gươm ấy !

Rồi ông ta không chịu nhận nó, viện lẽ vợ ông đau tim, đang nằm tại dưỡng đường Cligny, đôi gươm ấy có thể khơi lại những kỷ niệm không tốt, làm cho vợ ông khó chóng lành bệnh.

Cuối cùng, Ferrand kết luận : Đối với vợ tôi, dĩ vãng đã chết hẳn. Nếu ngày nay tôi phô bày các vật ấy, chẳng khác nào tôi lật lại những trang sách quá khứ đẫm máu , làm hoen ố tình bang giao hữu nghị giữa hai nước nói chung, và liên quan đến tình nghĩa

vợ chồng tôi nói riêng. Tôi nghĩ tốt hơn là chúng tôi không biết gì cả về cái quá khứ đáng tiếc ấy.

Bức thư hồi âm của Ferrand đặt tôi vào một tình trạng khó xử. Nhưng chính đêm ấy Đề Thám lại hiện về lần nữa, nói với vẻ buồn bã:

- Con gái tôi đã quyết tình quên chuyện cũ, tôi để cho ông trọn quyền sử dụng cặp gươm đó với điều kiện không được đem nó về Pháp. Hoặc ông có thể đem tặng cho một bảo tàng viện trong xứ chúng tôi, nếu không thể trao lại cho con cháu của một trong năm cận vệ thân tín của tôi : Phong, Lôi, Vũ, Hoả, Điện, nhất là con cháu của Phong, vì Phong là người trung hậu và khí tiết rất cao. Chính người của quý ông trước kia muốn mua chuộc hắn rất đắt giá mà không được. Chính con gái nuôi của ông là con đẻ của Phong, rất tiếc nó là con gái, không thể nối dõi tông đường. Nếu có thể, nó rán đi tìm tông tích người anh trai của nó mà trao lại đôi gươm càng tốt.

-Thực hiện ý muốn của Đề Thám

Chính vì muốn làm thoả mãn ý nguyện của Đề Thám mà tôi đã tốn nhiều tiền để tìm cho được hậu duệ của năm người cận vệ của ông, nhất là đứa con trai của Phong. Nhưng đã gần ba mươi năm, tang thương biến đổi, người cũng không mấy ai còn nhớ đến ! Bây giờ chỉ còn có thể thực hiện ý muốn thứ hai của ông là đem đôi gươm ấy tặng cho một Viện Bảo tàng trong nước ! Tôi nghĩ chỉ cách đó, trí óc tôi mới được thảnh thơi để sống một cuộc sống thanh nhàn cho đến hết chuỗi đời còn lại.

Tôi quyết định ngày mai tôi và con gái tôi sẽ đem đôi gươm ấy đến tặng Viện Bác cổ Viễn Đông Hà Nội để từ nay tôi không còn bận tâm đến nó nữa...

(Tập hồi ký của Chofflet chấm dứt tại đây).

Qua hồi ký của Chofflet thì đôi gươm của Đề Thám lẽ ra hiện thời phải còn ở Viện Bác cổ Viễn Đông tại Hà Nội. Tuy nhiên, từ năm 1937 đến nay cũng đã hơn sáu mươi năm, bao tang thương biến đổi (Nhật đảo chánh Pháp tháng 3 năm 1945, rồi đầu hàng tháng 8 năm 1945, tướng Lữ Hán của Tàu sang giải giới Nhật ở miền Bắc, trong khi tướng Gracey của Anh giải giới Nhật ở miền Nam, rồi Việt Nam tuyên bố độc lập, rồi đất nước chia hai, sau lại thống nhất), không rõ nó có còn không ? Hay hiện giờ nó đang nằm ở một Bảo tàng viện nước Nhật, hoặc nước Tàu ? Hay một cá nhân nào ? Nếu mất thì đáng tiếc lắm ! Vì nó tượng trưng cho trang lịch sử oai hùng bất khuất của dân tộc Việt Nam .

(Nhân 140 năm kỷ niệm sinh nhật của Đề Thám [1862- 2002] và 89 năm kỷ niệm ngày Đề Thám bị sát hại [đầu Xuân Quý Sửu 1913 - đầu Xuân Nhâm Ngọ 2002])

Tây Úc , ngày đầu Xuân Nhâm Ngọ 2002

Hoàng Quân

Vài nét về vị trí vùng Yên Thế:

Yên Thế nằm trọn vẹn giữa dãy núi đá Cai Kinh cùng với dãy núi trùng trùng điệp ở miền thượng nguồn sông Thương và sông Cầu gồm hai vùng Thượng Yên và Hạ Yên. Thượng Yên là vùng rừng dày và rậm, còn HạYên là miền đồng bằng có đồng ruộng xanh, làng mạc đông đúc.

Yên Thế, phía Đông giáp Lạng Sơn, phía Tây giáp Bắc Cạn và Thái Nguyên, phía Nam giáp Bắc Giang và Đáp Cầu (Bắc Ninh), phía Bắc giáp Thất Khê và Cao Bằng.

Đây là một vùng núi non hiểm trở cheo leo, ghềnh thác quanh co và có những đường ăn lòn qua đất Tàu dính nhau như mạng nhện. Rừng Thượng Yên có cây cối rậm rạp, có nhiều lau lách và các loại nứa tre chằng chịt khắp nơi. Vùng này ẩm ướt, đầy muỗi

mòng, vắt, rắn rít và những loại côn trùng nhỏ độc địa.

Đề Thám chọn nơi đây làm căn cứ chống Pháp thực là tinh tế, đã biết khéo sử dụng tất cả các ưu điểm về địa hình địa vật ở đây trong thời gian 31 năm kháng chiến(1882-1913).

Chú thích :

1- **Đề Thám** : tên thật là Trương Văn Thám sinh năm 1862 tại làng Ngọc Cục, huyện Yên Thế, lúc tuổi còn trẻ có tiếng rất giỏi võ. Năm 20 tuổi, gia nhập đạo nghĩa quân của Lãnh binh Trần Quang Soạn. Vì thiếu khí giới nên phong trào bị thất bại, sau Thám về giúp Cai Kinh được phong làm đề đốc, nên từ đấy người ta gọi là Đề Thám. Ngày 6-7-1888, Cai Kinh bị một người tâm phúc ám hại, Đề Thám đem một nhóm nghĩa quân về miền xuôi hoạt đông riêng chống Pháp, nhưng vì thế yếu nên bị Pháp đánh tan rã, Thám bị truy lùng gắt nên phải thay hình đổi dạng nhiều cách và đổi tên là Hoàng Hoa Thám. Năm Kỷ Sửu (1889), Thám chiêu tập được khá đông đồng chí giỏi võ, nhiều mưu cơ, có khả năng trong chiến trận, lại cho người sang Quảng Tây kết thân với quan Tàu, mua được nhiều súng đạn. Thám đóng quân tại Yên Thế và biến nơi đây thành căn cứ chống Pháp suốt 31 năm trời.

2- **Tướng Liên**: Tướng cách mạng Trung Hoa, chủ trương bài Thanh phục Minh, đóng quân ở Quảng Tây, giúp Thám rất đắc lực trong việc mua khí giới chống Pháp.

3- **Lương Tam Kỳ**: thuộc hạ của Lưu Vĩnh Phúc chủ soái giặc Cờ Đen. Lúc đầu L.T. K. liên minh với Đề Thám chống Pháp, về sau thế yếu ra hàng Pháp và được Pháp cho cai quản một vùng đất ở Chợ Chu (Bắc Cạn). Pháp dụ hắn và hứa thưởng 25 ngàn đồng nếu hắn hại được Đề Thám. Vì ham tiền nên hắn đã phản lại Thám, cho 3 tên tâm phúc vào căn cứ của Thám để sát hại Thám như truyện kể trên.

4- **Cô Ba**: tên thật là Đặng Thị Nhu, vợ ba Đề Thám, người làng Vạn Vân, rất giỏi võ, gan dạ lại đầy mưu lược, giúp Đề Thám rất đắc lực trong cuộc kháng Pháp ở vùng Yên Thế. Đầu tháng 12/ 1909, trong một trận chiến vô cùng ác liệt, quân Đề Thám bị thất bại nặng, lớp bị chết, lớp đầu hàng, lớp bị bắt trong đó có Cô Ba và con gái nhỏ là Hoàng Thị Thế. Về sau, hầu hết các nghĩa quân bị bắt đều bị đưa đi đày ở các đảo nhỏ ở phiá nam Thái bình dương, riêng mẹ con Cô Ba thì được đưa xuống tàu chở sang Pháp. Xuống tàu, Cô Ba cắn lưỡi tự tử. Con gái cô là Hoàng Thị Thế sang Pháp được nuôi nấng tử tế, khi lớn lấy chồng kỹ sư người Pháp và có 2 con như đã kể ở trên.

Tài liệu tham khảo:

1- Đề Thám, con hùm Yên Thế của Nguyễn Duy Hinh, nhà xuất bản Khai Trí .
2- Tiểu truyện danh nhân của Cổ Nhi Tân, nhà xuất bản Phạm Quang Khai .
3- Thành ngữ điển tích và danh nhân điển tich của Trịnh Văn Thanh